HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17/2024/NQ-HĐND	*Bắc Kạn, ngày 30 tháng 10 năm 2024*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 *(sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022)* của Hội đồng nhân dân tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 23 *(KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)*

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 ngày 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 ngày 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBDT ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30 tháng 6 năm 2022 hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu

quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 180/BC-HĐND ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh *(sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022)* của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (*sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND*) như sau:

"Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tối đa 19% tổng số vốn của tiểu dự án để hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (*sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND*) như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất điểm a, điểm b khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (*sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND*) như sau:

"- Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Tối đa 16% tổng số vốn sự nghiệp của nội dung 1 của tiểu dự án 2."

"b) Nội dung 2: Đào tạo đại học, sau đại học: Phân bổ 100% tổng vốn sự nghiệp của nội dung 2 của tiểu dự án 2 cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh."

b) Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (*sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND*) như sau:

"- Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh tối đa 8% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án 4."

3. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất Điều 14 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND như sau:

"- Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Tối đa 12% tổng số vốn sự nghiệp của dự án 8."

4. Sửa đổi, bổ sung gạch đầu dòng thứ nhất Điều 15 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (*sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND*) như sau:

"- Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2".

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND (*sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND*) như sau:

a) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất khoản 1 Điều 16 (*sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND*) như sau:

"- Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Tối đa 50% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 1."

b) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất điểm b khoản 2 Điều 16 (*sửa đổi, bổ sung tại điểm c khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND*) như sau:

"- Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Tối đa 67% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 2."

c) Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất khoản 3 Điều 16 (*sửa đổi, bổ sung tại điểm d khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND*) như sau:

"- Phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Tối đa 44% tổng vốn sự nghiệp của tiểu dự án 3."

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 23 *(kỳ họp chuyên đề)* thông qua ngày 30 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2024./.

Nơi nhận:
- Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ Pháp chế *(Bộ Tài chính)*;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL *(Bộ Tư pháp)*;
- TT Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện *(Thành)* ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Phương Thị Thanh